

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE  
52 THÀNH THÁI - Q.10 - TP.HCM



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**

**Quý 2 năm 2014**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>346.930.346.847</b>	<b>304.483.968.154</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>109.515.978.602</b>	<b>96.932.405.743</b>
1. Tiền	111	V.1	7.515.978.602	16.766.294.632
2. Các khoản tương đương tiền	112		102.000.000.000	80.166.111.111
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>473.652.470</b>	<b>422.306.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.423.652.470	1.423.652.470
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(950.000.000)	(1.001.346.470)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>107.632.052.605</b>	<b>98.042.740.747</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	104.933.507.492	97.288.755.290
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	4.702.593.928	1.636.474.793
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	10.832.960.352	9.352.450.374
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(12.837.009.167)	(10.234.939.710)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>111.624.527.250</b>	<b>94.170.858.072</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	117.300.176.101	99.846.506.923
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(5.675.648.851)	(5.675.648.851)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.684.135.920</b>	<b>14.915.657.592</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.426.780.451	790.193.903
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.294.290.249	7.470.530.107
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	6.138.739.582	6.138.739.582
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	824.325.638	516.194.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>92.266.253.948</b>	<b>86.100.260.647</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.796.803.588</b>	<b>25.843.540.940</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	19.058.549.870	16.925.546.551
<i>Nguyên giá</i>	222		29.696.200.095	26.894.686.659
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.637.650.225)	(9.969.140.108)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	4.780.416.608	4.823.341.250
<i>Nguyên giá</i>	228		5.380.992.840	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(600.576.232)	(557.651.590)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	8.957.837.110	4.094.653.139
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>25.332.503.667</b>	<b>25.620.730.257</b>
<i>Nguyên giá</i>	241	V.16	28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3.278.370.163)	(2.990.143.573)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>33.078.443.270</b>	<b>34.177.980.920</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	10.440.000.000	10.440.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	28.217.301.248	28.285.558.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(5.578.857.978)	(4.547.577.528)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.058.503.423</b>	<b>458.008.530</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	748.295.084	148.008.530
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		310.208.339	310.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>439.196.600.795</b>	<b>390.584.228.801</b>
		<b>Mã</b>		
		<b>số</b>		
<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>Thuyết</b>		
		<b>minh</b>		
			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>167.453.568.482</b>	<b>116.378.810.353</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>165.453.568.482</b>	<b>114.378.810.353</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	107.294.105.463	65.032.633.809
2. Phải trả người bán	312	V.22	28.484.869.098	34.229.678.103
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	412.547.177	176.931.054
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	79.289.788	404.000.407
5. Phải trả người lao động	315		96.308.880	879.425.000
6. Chi phí phải trả	316		4.215.336.819	3.246.213.661
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	22.765.577.406	2.125.624.365
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.105.533.851	8.284.303.954

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>271.743.032.313</b>	<b>274.205.418.448</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>271.743.032.313</b>	<b>274.205.418.448</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	138.838.371.124	138.838.371.124
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	11.025.017.419	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	26.180.643.770	28.643.029.905
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>439.196.600.795</b>	<b>390.584.228.801</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc




Vũ Quốc Vinh

Ghi chú: Đây là năm đầu tiên Công ty CP TIE thực hiện Báo cáo tài chính hợp nhất Quý

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 2 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 2		Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	127.087.679.164	65.696.769.466	179.398.808.041	119.545.726.579
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	385.164.580	230.697.277	596.494.297	352.692.732
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	126.702.514.584	65.466.072.189	178.802.313.744	119.193.033.847
4. Giá vốn hàng bán	11	120.477.613.886	63.017.241.633	170.092.299.013	114.393.655.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	6.224.900.698	2.448.830.556	8.710.014.731	4.799.378.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14.525.970.434	5.813.503.917	24.515.964.286	17.718.912.613
7. Chi phí tài chính	22	3.247.726.372	1.398.573.979	4.716.512.043	1.917.570.014
Trong đó: chi phí lãi vay	23	2.235.951.889	462.493.084	3.611.522.500	971.781.231
8. Chi phí bán hàng	24	8.807.158.295	4.327.752.340	13.520.187.788	7.680.496.171
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.843.831.689	3.561.961.315	10.309.304.488	7.078.424.029
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.852.154.776	(1.025.953.161)	4.679.974.698	5.841.800.433
11. Thu nhập khác	31	395.756.814	1.634.772.830	2.712.790.794	2.138.197.757
12. Chi phí khác	32	154.494.931	313.650.000	285.251.627	349.652.098
13. Lợi nhuận khác	40	241.261.883	1.321.122.830	2.427.539.167	1.788.545.659
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.093.416.659	295.169.669	7.107.513.865	7.630.346.092
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51				



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		167.459.392.233	114.174.785.047
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(205.741.759.816)	(140.669.416.397)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.955.657.001)	(11.328.940.281)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.708.906.134)	(618.377.290)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.918.403.434	3.781.563.913
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.200.613.314)	(12.434.065.945)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(66.229.140.598)</b>	<b>(47.094.450.953)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.211.726.053	51.069.870.789
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>39.211.726.053</b>	<b>51.069.870.789</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		144.507.396.086	41.003.202.897
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(102.245.924.432)	(34.622.785.273)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.660.484.250)	(4.034.186.400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>39.600.987.404</i>	<i>2.346.231.224</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.583.572.859	6.321.651.060
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	96.932.405.743	17.640.183.689
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>109.515.978.602</u>	<u>23.961.834.749</u>

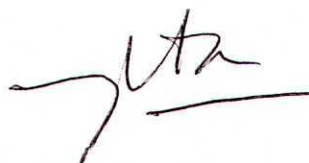
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc




Quốc Vinh

Ghi chú: Đây là năm đầu tiên Công ty CP TIE thực hiện Báo cáo tài chính hợp nhất Quý



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2014

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất -thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

**4 Danh sách công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn	760 Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	51%

Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn được thành lập ngày 19 tháng 11 năm 2013, ngày đăng ký bắt đầu hoạt động là ngày 01 tháng 01 năm 2014. Nhưng đến nay, Công ty vẫn chưa đi vào hoạt động chính thức.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Kỳ kế toán**  
Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

## **6. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **7. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

## **8. Tài sản cố định vô hình**

### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

### *Bản quyền phần mềm máy tính*

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m<sup>2</sup> đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và diện tích 70,4 m<sup>2</sup> đất tại tổ 74, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

## **9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## **10. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

**12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải

**13. Dự phòng trợ cấp thôi việc và Bảo hiểm thất nghiệp**

Công ty chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương ( nếu có ) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

**14. Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

**15. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

**16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **17. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### **18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ***Doanh thu gia công***

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tiền mặt	438.242.329	667.891.953
Tiền gửi ngân hàng	7.077.736.273	16.098.402.679
Các khoản tương đương tiền	102.000.000.000	80.166.111.111
<b>Cộng</b>	<b>109.515.978.602</b>	<b>96.932.405.743</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>30/06/2014</u>		<u>01/01/2014</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	15	60.000	15	60.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	22.805	443.592.470	22.805	443.592.470
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.423.652.470</b>		<b>1.423.652.470</b>

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(950.000.000)	(1.001.346.470)

**4. Phải thu khách hàng**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tại Văn phòng Công ty	104.071.658.205	96.448.442.443
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	169.918.310	12.810.000
Tại Chi nhánh Cần Thơ	48.992.626	130.587.486
Tại Chi nhánh Hà Nội	532.730.259	681.772.361
Tại Chi nhánh Phú Quốc	110.208.092	15.143.000
<b>Cộng</b>	<b>104.933.507.492</b>	<b>97.288.755.290</b>

**5. Trả trước cho người bán**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tại Văn phòng Công ty	4.526.671.928	1.636.474.793
Tại Chi nhánh Phú Quốc	175.922.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.702.593.928</b>	<b>1.636.474.793</b>

**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Bảo hiểm xã hội phải thu	6.815.161	16.324.651
Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	306.661.461	1.032.391
Công Ty Cổ Phần Viễn Thông Thế Hệ Mới (NGT-Cor.)( * )	3.210.000.000	3.210.000.000
Phạm Văn Hoàng ( ** )	5.866.264.573	5.879.892.055
Các khoản phải thu khác	1.443.219.157	245.201.277
<b>Cộng</b>	<b>10.832.960.352</b>	<b>9.352.450.374</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(\*) Khoản phải thu Cty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

(\* \*) Khoản phải thu Phạm Văn Hoàng liên quan đến lô hàng bị thất thoát tại Chi nhánh Hà Nội và đã lập dự phòng do khó có khả năng thu hồi.

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2014	01/01/2014
<i>Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi của:</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyên Vũ	(35.000.000)	(35.000.000)
Khoản phải thu Cty CP thế hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Phạm Văn Hoàng	(5.879.892.055)	(5.879.892.055)
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Khoản phải thu các khách hàng khác	(3.572.687.111)	(970.617.654)
<b>Cộng</b>	<b>(12.837.009.167)</b>	<b>(10.234.939.710)</b>

**8. Hàng tồn kho**

	30/06/2014	01/01/2014
Hàng mua đang đi trên đường	12.890.120	150.562.232
Nguyên liệu, vật liệu	561.608.893	1.389.249.651
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	89.501.738	129.008.176
Thành phẩm	1.417.964.608	971.184.846
Hàng hóa	115.218.210.742	97.206.502.018
<b>Cộng</b>	<b>117.300.176.101</b>	<b>99.846.506.923</b>

**9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	30/06/2014	01/01/2014
	(5.675.648.851)	(5.675.648.851)

**10. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Cuối kỳ 30/06/2014
Tại Văn phòng Công ty	746.362.956	1.802.085.415	1.891.119.848	657.328.523
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	7.200.000	1.169.231	6.030.769
Tại Chi nhánh Phú Quốc	43.830.947	863.821.074	144.230.862	763.421.159
<b>Cộng</b>	<b>790.193.903</b>	<b>2.673.106.489</b>	<b>2.036.519.941</b>	<b>1.426.780.451</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2014	01/01/2014
Tạm ứng	824.325.638	516.194.000
<b>Cộng</b>	<b>824.325.638</b>	<b>516.194.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>1. Số đầu kỳ</b>	<b>20.018.470.793</b>	<b>1.168.895.257</b>	<b>4.572.305.496</b>	<b>1.135.015.113</b>	<b>26.894.686.659</b>
2. Tăng trong kỳ	-	604.060.545	2.259.009.091	48.435.600	2.911.505.236
<i>Trong đó</i>	-	-	-	-	-
<i>Mua mới</i>	-	604.060.545	2.259.009.091	48.435.600	2.911.505.236
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	109.991.800	109.991.800
<i>Trong đó</i>	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý</i>	-	-	-	109.991.800	109.991.800
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>20.018.470.793</b>	<b>1.772.955.802</b>	<b>6.831.314.587</b>	<b>1.073.458.913</b>	<b>29.696.200.095</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>					
	1.455.527.339	548.147.166	511.186.807	692.420.929	3.207.282.241
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>6.388.377.458</b>	<b>582.112.148</b>	<b>2.197.542.222</b>	<b>801.108.280</b>	<b>9.969.140.108</b>
Tăng trong kỳ	359.644.663	62.745.716	283.846.688	37.700.163	743.937.230
Giảm trong kỳ	-	-	-	75.427.113	75.427.113
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.748.022.121</b>	<b>644.857.864</b>	<b>2.481.388.910</b>	<b>763.381.330</b>	<b>10.637.650.225</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	13.630.093.335	586.783.109	2.374.763.274	333.906.833	16.925.546.551
Số cuối kỳ	13.270.448.672	1.128.097.938	4.349.925.677	310.077.583	19.058.549.870

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>858.492.840</b>	<b>4.522.500.000</b>	<b>5.380.992.840</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>858.492.840</b>	<b>4.522.500.000</b>	<b>5.380.992.840</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>557.651.590</b>	<b>-</b>	<b>557.651.590</b>
Tăng trong kỳ	42.924.642	-	42.924.642
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>600.576.232</b>	<b>-</b>	<b>600.576.232</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Số đầu kỳ	300.841.250	4.522.500.000	4.823.341.250
Số cuối kỳ	257.916.608	4.522.500.000	4.780.416.608



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2014
Khu giải trí và hàng lưu niệm CNPQ	4.004.630.545	4.552.873.062	-	8.557.503.607
Trung tâm điều hành du lịch	-	308.090.909	-	308.090.909
Các công trình khác	90.022.594	2.220.000	-	92.242.594
<b>Cộng</b>	<b>4.094.653.139</b>	<b>4.863.183.971</b>	<b>-</b>	<b>8.957.837.110</b>

**15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2014
Nguyên giá	28.610.873.830	-	-	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	2.990.143.573	288.226.590	-	3.278.370.163
Giá trị còn lại	25.620.730.257	-	-	25.332.503.667

**Bất động sản đầu tư gồm:**

- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m<sup>2</sup>. Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.
- Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m<sup>2</sup> đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

**16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM		10.440.000.000		10.440.000.000
<b>Cộng</b>		<b>10.440.000.000</b>		<b>10.440.000.000</b>

\* Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 10.440.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư bằng các khoản chi hộ, tiền mặt và giá trị chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

**17. Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư cổ phiếu	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	730.078	8.182.728.448	730.078	8.182.728.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	58.212	603.120.000	58.212	603.120.000
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	850.000	8.500.000.000	850.000	8.500.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	39.675	2.256.742.800	40.875	2.325.000.000
<b>Cộng</b>		<b>28.217.301.248</b>		<b>28.285.558.448</b>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Cổ phiếu Cty CP Văn hóa Tân Bình giảm do trong quý 1/2014 bán 1.200 CP

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(5.578.857.978)	(4.547.577.528)

**20. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu kỳ 01/01/2014</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>K/chuyển vào cphí SX trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ 30/06/2014</u>
Tại Văn phòng Công ty	120.150.542	334.350.364	117.010.298	337.490.608
Tại Chi nhánh Phú Quốc	-	392.462.975	43.606.996	348.855.979
Tại Chi nhánh Cần Thơ	5.622.967	57.331.818	9.040.800	53.913.985
Tại Chi nhánh Hà Nội	22.235.021	-	14.200.509	8.034.512
<b>Cộng</b>	<b>148.008.530</b>	<b>784.145.157</b>	<b>183.858.603</b>	<b>748.295.084</b>

**21. Tài sản dài hạn khác**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	310.208.339	310.000.000
<b>Cộng</b>	<b>310.208.339</b>	<b>310.000.000</b>

**22. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	37.653.432.025	65.032.633.809
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông	69.640.673.438	-
	<b>107.294.105.463</b>	<b>65.032.633.809</b>

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2014 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 13.185002/HĐTDHM ngày 10 tháng 06 năm 2013 và hợp đồng tín dụng số 14.1950011/HĐTDHM-TIE ngày 19 tháng 06 năm 2014.

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2014 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 111.14.00003/2014/HĐTDHM ngày 20 tháng 03 năm 2014.

**23. Phải trả người bán**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tại Văn phòng Công ty	28.379.019.082	34.219.328.103
<i>Cty TNHH Điện Tử Samsung Vina</i>	2.476.100.000	19.506.629.051
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	25.902.919.082	14.712.699.052
Tại Chi nhánh Phú Quốc	33.850.000	10.350.000
Tại Chi nhánh Hà Nội	72.000.016	-
<b>Cộng</b>	<b>28.484.869.098</b>	<b>34.229.678.103</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**24. Người mua trả tiền trước**

	30/06/2014	01/01/2014
Tại Văn phòng Công ty	300.647.335	25.525.151
Tại Chi nhánh Phú Quốc	110.810.000	150.176.000
Tại Chi nhánh Cần Thơ	229.994	230.000
Tại Chi nhánh Hà Nội	859.848	999.903
<b>Cộng</b>	<b>412.547.177</b>	<b>176.931.054</b>

**25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2014
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.491.240.314	2.491.240.314	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	97.472.722	97.472.722	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.138.739.582)	-	-	(6.138.739.582)
- Thuế thu nhập cá nhân	404.000.407	289.448.207	614.158.826	79.289.788
- Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	895.336.000	895.336.000	-
- Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>(5.734.739.175)</b>	<b>3.781.497.243</b>	<b>4.106.207.862</b>	<b>(6.059.449.794)</b>

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 2	
	Năm 2014	Năm 2013
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.093.416.659	295.169.669
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(12.992.031.200)	(5.306.910.075)
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập	(12.992.031.200)	(5.306.910.075)
Tổng thu nhập chịu thuế	(10.898.614.541)	(5.011.740.406)
Thu nhập được miễn thuế		
Thu nhập tính thuế	(10.898.614.541)	(5.011.740.406)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2014	01/01/2014
Kinh phí công đoàn	29.152.838	163.952.106
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	339.469.299	1.350.469.299
Chi Cỗ Túc Cho Cổ Đông	7.277.946.857	503.551.857
Các khoản phải trả khác	15.119.008.412	107.651.103
<b>Cộng</b>	<b>22.765.577.406</b>	<b>2.125.624.365</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**27. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ ( 01/01/2014 )	95.699.000.000	138.838.371.124	11.025.017.419	28.643.029.905
Lợi nhuận tăng trong kỳ				7.107.513.865
Chia cổ tức năm 2013				9.569.900.000
Số dư cuối kỳ ( 31/03/2014 )	95.699.000.000	138.838.371.124	11.025.017.419	26.180.643.770

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.989.300.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.700.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>127.087.679.164</b>	<b>65.696.769.466</b>
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	118.993.650.611	59.984.834.182
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	278.720.986	861.991.357
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.190.862.270	414.541.548
<i>Doanh thu khác</i>	-	2.052.727
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc</i>	3.312.900.446	2.080.710.407
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Hà Nội</i>	1.179.118.208	1.484.089.072
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Cần Thơ</i>	222.684.487	757.995.644
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Đà Nẵng</i>	909.742.156	110.554.529
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>385.164.580</b>	<b>230.697.277</b>
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	385.164.580	230.697.277
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>126.702.514.584</b>	<b>65.466.072.189</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	331.574.277	991.293.105
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	113.240.957.189	57.902.201.563
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.587.723.605	165.516.725
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	3.171.378.219	1.880.343.260
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	1.040.876.242	1.287.675.301
Giá vốn Chi nhánh Cần Thơ	205.986.909	683.088.399
Giá vốn Chi nhánh Đà Nẵng	899.117.445	107.123.280
<b>Cộng</b>	<b>120.477.613.886</b>	<b>63.017.241.633</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.533.939.234	506.593.842
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.992.031.200	5.306.910.075
<b>Cộng</b>	<b>14.525.970.434</b>	<b>5.813.503.917</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.235.951.889	462.493.084
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.759.972	45.554.555
Dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	979.933.980	889.430.700
Chi phí khác	1.080.531	1.095.640
<b>Cộng</b>	<b>3.247.726.372</b>	<b>1.398.573.979</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.162.801.373	1.739.599.632
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.765.076	18.967.457
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	104.659.156	40.923.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	256.478.302	184.489.959
Chi phí bảo hành	58.482.302	57.767.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.624.213.713	784.377.475
Chi phí bằng tiền khác	4.580.758.373	1.501.626.778
<b>Cộng</b>	<b>8.807.158.295</b>	<b>4.327.752.340</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.543.873.092	1.291.012.602
Chi phí vật liệu quản lý	43.310.785	44.737.424
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.806.759	11.582.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.041.441	256.657.645
Thuế, phí và lệ phí	355.705.000	91.126.250
Chi phí dự phòng	2.602.069.457	260.739.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	535.164.457	504.192.255
Chi phí bằng tiền khác	1.421.860.698	1.101.913.690
<b>Cộng</b>	<b>6.843.831.689</b>	<b>3.561.961.315</b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	375.868.340	1.433.069.080
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ do chưa chuyển giao		160.273.000
Thu nhập khác	19.888.474	41.430.750
<b>Cộng</b>	<b>395.756.814</b>	<b>1.634.772.830</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	160.273.000	160.273.000
Chi phí khác	(5.778.069)	153.377.000
<b>Cộng</b>	<b>154.494.931</b>	<b>313.650.000</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền lương	380.844.545	289.848.214
Tiền thù lao	90.000.000	47.700.000
<b>Cộng</b>	<b>470.844.545</b>	<b>337.548.214</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm :

**Bên liên quan**

Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina  
 Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM  
 Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết ( Đã chuyển nhượng trong năm 2013 )  
 Công ty liên kết  
 Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina</b>		
Mua hàng	4.336.243.777	45.328.547.618
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.905.626.239	2.108.239.328
Lợi nhuận được hưởng	12.700.000.000	4.893.349.175
Thu hỗ trợ	244.390.040	1.242.865.980

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau :

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina</b>		
Tiền hàng	1.941.901.421	728.500.715
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>1.941.901.421</b>	<b>728.500.715</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina**

Phải trả tiền mua hàng

2.476.100.000

19.506.629.051

**Cộng nợ phải trả**

**2.476.100.000**

**19.506.629.051**

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng Giám đốc



Wũ Quốc Vinh